

Số: /QĐ-UBND

Lai Châu, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh về quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình, nhu cầu sử dụng đất trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Phong Thổ và cập nhật vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Phong Thổ

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 148/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/04/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021; số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; số 65/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023 và số 26/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 về việc chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 630/QĐ-UBND ngày 03/6/2021 về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Phong Thổ; số 2991/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Phong Thổ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2427/TTr-STNMT ngày 12/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh về quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình, nhu cầu sử dụng đất đối với 29 công trình, dự án trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Phong Thổ và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Phong Thổ, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh về quy mô, địa điểm tăng diện tích đối với 06 công trình, dự án.
2. Điều chỉnh về quy mô, địa điểm giảm diện tích đối với 13 công trình, dự án và nhu cầu sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân.
3. Điều chỉnh về quy mô, địa điểm nhưng không thay đổi về diện tích đối với 03 công trình, dự án.
4. Điều chỉnh tăng về số lượng dự án, công trình đối với 07 công trình, dự án.
(Có biểu chi tiết vị trí, địa điểm, diện tích cụ thể của các công trình, dự án, khu đất kèm theo)

Điều 2. Giao trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị

1. Ủy ban nhân dân huyện Phong Thổ
 - a) Tổ chức công bố, công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định hiện hành.
 - b) Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo đúng thẩm quyền.
2. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm hướng dẫn các Nhà đầu tư về trình tự, thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.
3. Sở Công Thương hướng dẫn Chủ đầu tư các dự án thủy điện thực hiện theo quy định về quản lý quy hoạch thủy điện.
4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm hướng dẫn các Nhà đầu tư về trình tự thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng, trồng rừng thay thế *(nếu có)* và các nội dung khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao.
5. Sở Tài nguyên và Môi trường
 - a) Hướng dẫn các chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ pháp lý về lĩnh vực tài nguyên và môi trường đảm bảo theo quy định.

b) Tham mưu thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

6. Các chủ đầu tư

Hoàn thiện các thủ tục pháp lý về đầu tư, đất đai, môi trường và các lĩnh vực khác có liên quan theo quy định trước khi thực hiện dự án; chỉ được phép thực hiện công trình, dự án sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và là một phần của Quyết định số 630/QĐ-UBND ngày 03/6/2021 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Phong Thổ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: V1, V3, CB;
- Lưu: VT, Kt4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Trọng Hải

DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐIỀU CHỈNH VỀ QUY MÔ, ĐỊA ĐIỂM, SỐ LƯỢNG DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH VÀ NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CỦA HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2021-2030 CỦA HUYỆN PHONG THỔ VÀ CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 CỦA HUYỆN PHONG THỔ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

Đơn vị: ha

STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Loại đất theo hiện trạng đang quản lý sử dụng (ha)	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt		Diện tích sau điều chỉnh, bổ sung		Căn cứ pháp lý	Lý do
				Diện tích	Loại đất	Diện tích	Loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I	Điều chỉnh về quy mô, địa điểm tăng diện tích								
1	Kè chống sạt lở bảo vệ dân cư, cơ sở hạ tầng tại các huyện Phong Thổ, Than Uyên và Mường Tè tỉnh Lai Châu (Tuyến kè bờ tả hữu suối Nậm So tại bản Vàng Pheo và bản Phiêng Đanh, xã Mường So)	Xã Mường So	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC) 0,143 ha; đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,18 ha; đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 2,05 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 2,001 ha; đất nuôi trồng thủy sản (NST) 0,19 ha; đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,24 ha; đất ở tại nông thôn (ONT) 0,559 ha; đất giao thông (DGT) 0,24 ha; đất thủy lợi (DTL) 0,017 ha; đất cơ sở văn hóa đất (DVH) 0,07 ha; đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối (SON) 4,01 ha; đất bằng chưa sử dụng (BCS) 2,35 ha	7,52	Đất thủy lợi (DTL)	12,05	Đất thủy lợi (DTL)	- Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh. - Quyết định số 3315/QĐ-BNNKH ngày 23/7/2021 của Bộ Nông nghiệp về chủ trương đầu tư dự án kè chống sạt lở bảo vệ dân cư, cơ sở hạ tầng tại các huyện Phong Thổ, Than Uyên và Mường Tè, tỉnh Lai Châu. - Công văn số 276/BNN-KH ngày 13/01/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về thông báo kế hoạch vốn đầu tư năm 2022.	Bổ sung thêm diện tích đất sông suối, đất chưa sử dụng trong phạm vi thi công tuyến kè nhằm mục đích nạo vét, khơi thông dòng chảy
2	Nhà văn hoá bản Nhóm 1	Xã Vàng Ma Chải	Đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 0,04 ha	0,02	Đất cơ sở văn hóa (DVH)	0,04	Đất cơ sở văn hóa (DVH)	- Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh.	Điều chỉnh quy mô, ranh giới tăng diện tích thực hiện dự án
3	Xây dựng cơ sở vật chất trường PTDTBT Tiểu học Lán Nhì Thàng	Xã Lán Nhì Thàng	Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,077 ha; đất ở tại nông thôn (ONT) 0,003 ha; đất cơ sở giáo dục và đào tạo (DGD) 0,4 ha	0,25	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo (DGD)	0,48	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo (DGD)	- Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh.	Điều chỉnh quy mô, ranh giới tăng diện tích thực hiện dự án

4	Cải tạo, nâng cấp đường vào Đồn biên phòng Vàng Ma Chải và trung tâm xã Vàng Ma Chải	Xã: Vàng Ma Chải, Pa Vây Sừ	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,12 ha; đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,672 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 3,29 ha; đất rừng sản xuất (RSX) 1,44 ha; đất rừng phòng hộ (RPH) 5,72 ha; đất ở tại nông thôn (ONT) 0,22 ha; đất quốc phòng (CQP) 0,2 ha; đất giao thông (DGT) 3,23 ha; đất thủy lợi (DTL) 0,015 ha; đất cơ sở giáo dục và đào tạo (DGD) 0,003 ha; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 0,51 ha	8,68	Đất giao thông (DGT)	15,42	Đất giao thông (DGT)	- Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh.	Điều chỉnh quy mô, ranh giới tăng diện tích thực hiện dự án
5	Đường giao thông từ trung tâm huyện Phong Thổ đến cầu Phiêng Đanh	Thị trấn Phong Thổ, xã Mường So	Đất ở tại đô thị (ODT) 0,04 ha; đất ở tại nông thôn (ONT) 0,11 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 1,56 ha; đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 10,41 ha; đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,91 ha; đất nuôi trồng thủy sản (NST) 0,02 ha; đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng (NTD) 0,03 ha; đất bằng chưa sử dụng (BCS) 0,91 ha; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 0,11 ha; đất giao thông (DGT) 1,01 ha; đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối (SON) 0,67 ha; đất rừng sản xuất (RSX) 2,78 ha	17,50	Đất giao thông (DGT)	18,56	Đất giao thông (DGT)	- Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh.	Điều chỉnh quy mô, ranh giới tăng diện tích thực hiện dự án
6	Hạ tầng thiết yếu khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng (Tuyến Km2+800 đến Km7 hạng mục Đường từ cầu Km1 đến khu vực Pô Tô và Kè chính trị suối khu vực 43 ha, san lấp tạo mặt bằng)	Xã: Huổi Luông, Ma Li Pho	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,1 ha; đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,15 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 5,65 ha; đất trồng cây lâu năm (CLN) 1,05 ha; đất nuôi trồng thủy sản (NTS) 0,01 ha; đất ở tại nông thôn (ONT) 0,31 ha; đất giao thông (DGT) 3,42 ha; đất thủy lợi (DTL) 0,3 ha; đất bằng chưa sử dụng (BCS) 6,81 ha; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 0,89 ha	12,12	Đất giao thông (DGT) và đất thủy lợi (DTL)	18,69	Đất giao thông (DGT) và đất thủy lợi (DTL)	- Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023 của HĐND tỉnh.	Bổ sung thêm diện tích thu hồi để đảm bảo nguồn đất đắp cho hạng mục: Kè chính trị suối khu vực 43 ha, san lấp tạo mặt bằng

II	Điều chỉnh về quy mô, địa điểm giảm diện tích								
1	Xây dựng lô cốt cố thủ và nhà bảo vệ Cụm điểm tựa phòng ngự tuyến biên giới Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	Xã Hoang Thèn	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,06 ha; đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,08 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,01 ha; đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,11 ha; đất rừng sản xuất (RSX) 0,29 ha	8,00	Đất quốc phòng (CQP)	0,55	Đất quốc phòng (CQP)	- Quyết định số 672/QĐ-QK ngày 20/5/2022 của Quân khu 2 về việc phê duyệt vị trí xây dựng công trình chiến đấu công trình: Xây dựng lô cốt cố thủ và nhà bảo vệ Cụm điểm tựa phòng ngự tuyến biên giới Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.	Điều chỉnh quy mô, ranh giới giảm diện tích thực hiện dự án
2	Nhà văn hóa bản Pa Vây Sừ	Xã Pa Vây Sừ	Đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 0,02 ha	0,03	Đất cơ sở văn hóa (DVH)	0,02	Đất cơ sở văn hóa (DVH)	- Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh.	Điều chỉnh quy mô, ranh giới giảm diện tích thực hiện dự án
3	Nhà văn hóa bản Pờ Xa	Xã Pa Vây Sừ	Đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 0,02 ha	0,03	Đất cơ sở văn hóa (DVH)	0,02	Đất cơ sở văn hóa (DVH)	- Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh.	Điều chỉnh quy mô, ranh giới giảm diện tích thực hiện dự án
4	Nhà văn hóa bản Ngải Thầu	Xã Pa Vây Sừ	Đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 0,02 ha	0,03	Đất cơ sở văn hóa (DVH)	0,02	Đất cơ sở văn hóa (DVH)	- Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh.	Điều chỉnh quy mô, ranh giới giảm diện tích thực hiện dự án
5	Nhà văn hóa bản Xín Chải	Xã Pa Vây Sừ	Đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 0,02 ha	0,03	Đất cơ sở văn hóa (DVH)	0,02	Đất cơ sở văn hóa (DVH)	- Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh.	Điều chỉnh quy mô, ranh giới giảm diện tích thực hiện dự án
6	Đầu tư xây dựng công trình (giai đoạn 3) khu KTQP Phong Thổ, tỉnh Lai Châu/QK2 (xây mới đoạn tuyến từ Dền Thàng B đến bản San Cha và bản Ma Can)	Xã Đào San	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,75 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 3,42 ha; đất rừng phòng hộ (RPH) 0,12 ha; đất giao thông (DGT) 0,75 ha; đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối (SON) 0,05 ha; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 1,35 ha	7,92	Đất giao thông (DGT)	6,44	Đất giao thông (DGT)	- Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh.	Điều chỉnh quy mô, ranh giới giảm diện tích thực hiện dự án

7	Nâng cấp đường Nậm Xe - Sin Suối Hồ (Giai đoạn 2)	Xã Sin Suối Hồ	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,04 ha; đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,04 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,28 ha; đất nuôi trồng thủy sản (NST) 0,001 ha; đất rừng sản xuất (RSX) 0,13 ha; đất giao thông (DGT) 5,1 ha; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 0,009 ha	16,5	Đất giao thông (DGT)	5,6	Đất giao thông (DGT)	- Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh.	Điều chỉnh quy mô, ranh giới giảm diện tích thực hiện dự án
8	Nhà lớp học MN + TH Hồng Thu Mán xã Lán Nhi Thành	Xã Lán Nhi Thành	Đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,11 ha	0,32	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo (DGD)	0,11	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo (DGD)	- Nghị quyết 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Lai Châu.	Điều chỉnh quy mô, ranh giới giảm diện tích thực hiện dự án
9	Nâng cấp đường Mỏ Sì San - Sì Lở Lầu, huyện Phong Thổ	Xã: Sì Lở Lầu, Mỏ Sì San	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,32 ha; đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,08 ha; đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,1 ha; đất ở tại nông thôn (ONT) 0,017 ha; đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối (SON) 0,001 ha; đất giao thông (DGT) 0,012 ha	3,75	Đất giao thông (DGT)	0,53	Đất giao thông (DGT)	- Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh quy mô, ranh giới giảm diện tích thực hiện dự án
10	Thủy điện Po Chà	Xã Nậm Xe	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 2,06 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 3,32 ha; đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,01 ha; đất rừng sản xuất (RSX) 0,05 ha; đất rừng phòng hộ (RPH) 0,36 ha; đất giao thông (DGT) 0,03 ha; đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối (SON) 0,66 ha; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 0,98 ha	14,12	Đất công trình năng lượng (DNL)	7,47	Đất công trình năng lượng (DNL)	- Quyết định số 1175/QĐ-BCT ngày 24/4/2020 của Bộ Công thương về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch thủy điện nhỏ trên địa bàn tỉnh Lai Châu.	Điều chỉnh quy mô, ranh giới giảm diện tích
11	Thủy điện Chàng Phàng	Xã Sin Suối Hồ	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,87 ha; đất rừng phòng hộ (RPH) 4,28 ha; đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối (SON) 0,33 ha; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 2,93 ha	8,60	Đất công trình năng lượng (DNL)	8,41	Đất công trình năng lượng (DNL)	- Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 của HĐND tỉnh.	Điều chỉnh quy mô, ranh giới giảm diện tích

12	Thủy điện Tả Páo Hồ 1A	Các xã: Mồ Sì San, Sì Lở Lầu	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 6,96 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 18,56 ha; đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,55 ha; đất rừng phòng hộ (RPH) 1,56 ha; đất giao thông (DGT) 0,12 ha; đất thủy lợi (DTL) 0,04 ha; đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối (SON) 0,16 ha; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 8,38 ha	38,28	Đất công trình năng lượng (DNL)	36,33	Đất công trình năng lượng (DNL)	- Quyết định số 735/QĐ-BCT ngày 19/4/2022 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch của các Dự án thủy điện Pa Vây Sừ, Tả Páo Hồ 1A và Tả Páo Hồ 1B thuộc Quy hoạch thủy điện nhỏ toàn quốc trên địa bàn tỉnh	Điều chỉnh quy mô, ranh giới giám diện tích
13	Đất thương mại, dịch vụ xã Khổng Lào	Xã Khổng Lào	Đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,13 ha	0,38	Đất thương mại, dịch vụ (TMD)	0,13	Đất thương mại, dịch vụ (TMD)	- Đơn đề nghị của hộ gia đình cá nhân ngày 20/8/2023	Điều chỉnh vị trí, giám diện tích
III Điều chỉnh về quy mô, địa điểm nhưng không thay đổi về diện tích									
1	Nhà văn hoá bản Nhóm 3	Xã Vàng Ma Chải	Đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 0,02 ha	0,02	Đất cơ sở văn hóa (DVH)	0,02	Đất cơ sở văn hóa (DVH)	- Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh.	Điều chỉnh ranh giới thực hiện, không thay đổi diện tích dự án
2	Đường hành lang biên giới đoạn Phong Thổ (tỉnh Lai Châu) - Bát Xát (tỉnh Lào Cai)	Xã Sin Suối Hồ	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 2,85 ha; đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 1,86 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 13,8 ha; đất trồng cây lâu năm (CLN) 2,76 ha; đất nuôi trồng thủy sản (NST) 0,0024 ha; đất ở tại nông thôn (ONT) 0,52 ha; đất giao thông (DGT) 9,47 ha; đất thủy lợi (DTL) 0,19 ha; đất cơ sở giáo dục và đào tạo (DGD) 0,0003 ha; đất công trình năng lượng (DNL) 0,18 ha; đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối (SON) 0,92 ha; đất bằng chưa sử dụng (BCS) 0,006 ha; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 0,3913 ha	32,95	Đất giao thông (DGT)	32,95	Đất giao thông (DGT)	- Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh ranh giới thực hiện, không thay đổi diện tích dự án

3	Thủy điện Tả Páo Hồ 1B	Các xã: Mồ Sỉ San, Sì Lớ Lầu	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 7,05 ha; đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,18 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 9,41 ha; đất rừng phòng hộ (RPH) 0,07 ha; đất giao thông (DGT) 0,04 ha; đất thủy lợi (DTL) 0,03 ha; đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối (SON) 1,16 ha; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 0,24 ha	18,18	Đất công trình năng lượng (DNL)	18,18	Đất công trình năng lượng (DNL)	- Quyết định số 735/QĐ-BCT ngày 19/4/2022 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch của các Dự án thủy điện Pa Vây Sừ, Tả Páo Hồ 1A và Tả Páo Hồ 1B thuộc Quy hoạch thủy điện nhỏ toàn quốc trên địa bàn tỉnh	Điều chỉnh ranh giới thực hiện, không thay đổi diện tích dự án
IV Điều chỉnh, bổ sung về số lượng công trình, dự án									
1	Sắp xếp ổn định dân cư bản Khu Bình An (bản Mán Tiên) xã Bản Lang	Xã Bản Lang	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 9,28 ha; đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 1,16 ha; đất nuôi trồng thủy sản (NTS) 0,02 ha; đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,3 ha; đất rừng sản xuất (RSX) 0,21 ha; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 0,49 ha; đất giao thông (DGT) 0,02 ha; đất thủy lợi (DTL) 0,03 ha; đất trồng cây lâu năm 0,57 ha			12,08	Đất ở tại nông thôn (ONT)	- Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh.	Bổ sung số lượng dự án
2	Trường phổ thông dân tộc bán trú THCS Lân Nhi Thàng	Xã Lân Nhi Thàng	Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,11 ha; đất giao thông (DGT) 0,04 ha; đất cơ sở giáo dục và đào tạo (DGD) 0,4 ha			0,55	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo (DGD)	- Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh.	Bổ sung số lượng dự án
3	Đầu tư xây dựng công trình (giai đoạn 3) khu KTQP Phong Thổ, tỉnh Lai Châu/QK2 (nâng cấp mở rộng đoạn tuyến từ bản Tả Phùng đến bản Tả Ô)	Xã Vàng Ma Chải	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 1,46 ha; đất rừng phòng hộ (RPH) 0,93 ha; đất ở tại nông thôn (ONT) 0,03 ha; đất giao thông (DGT) 0,4 ha; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 0,59 ha			3,41	Đất giao thông (DGT)	- Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh.	Bổ sung số lượng dự án

4	Xây dựng cơ sở vật chất các trường: Phổ thông dân tộc bán trú THCS Vàng Ma Chải; Phổ thông DTBT THCS Si Lở Lầu	Xã Vàng Ma Chải	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,02 ha			0,02	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo (GDG)	- Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh.	Bổ sung số lượng dự án
5	Công trình: Xuất tuyến 110kV sau TBA 220kV Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	Xã Mường So	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,08 ha; đất rừng sản xuất (RSX) 0,03 ha			0,11	Đất công trình năng lượng (DNL)	- Nghị quyết 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh.	Bổ sung số lượng dự án
6	Nhà máy chế biến và xuất khẩu hoa quả tại xã Mường So	Xã Mường So	Đất rừng sản xuất (RSX) 4,95 ha; đất chưa sử dụng (CSD) 0,35 ha	5,21	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC)	5,3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC)	- Quyết định số 630/QĐ-UBND ngày 03/6/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Phong Thổ. - Công văn số 20/CV-CTVN ngày 01/8/2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư rau quả Việt Nam về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất để thực hiện dự án.	Điều chỉnh, bổ sung tên dự án và quy mô diện tích dự án
7	Nhà máy chế biến nông lâm sản 2 tại xã Mường So	Xã Mường So	Đất rừng sản xuất (RSX) 3,92 ha; đất chưa sử dụng (CSD) 5,4 ha	9,15	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC)	9,32	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC)	- Quyết định số 630/QĐ-UBND ngày 03/6/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Phong Thổ. - Công văn số 01/CV-CTĐLMTB ngày 22/7/2023 của Công ty TNHH Đại Lâm Mộc Tây Bắc Lai Châu về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất để thực hiện dự án: Xây dựng nhà máy chế biến nông lâm sản 2 tại xã Mường So.	Điều chỉnh, bổ sung tên dự án và quy mô diện tích dự án